

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ký Bé Lại.

Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Quang Đ, sinh năm 1965 (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, ông Lâm Quang Đ trình bày: Vào năm 1988 ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp trong lối sống do bất đồng quan điểm. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị S. Về con chung, có hai người tên là Lâm Quang S (giới tính nam), sinh năm 1990 và Lâm Quang H (giới tính nam), sinh năm 1992. Cả hai người con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống; tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra đúng như ông Lâm Quang Đ đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được

nên bà đồng ý ly hôn với ông Lâm Quang Đ. Về con chung có hai người đứng như ông Lâm Quang Đ đã trình bày. Cả hai người con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống; tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc ông Lâm Quang Đ xin ly hôn bà Nguyễn Thị S là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, ông Lâm Quang Đ và bà Nguyễn Thị S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Lâm Quang Đ và bà Nguyễn Thị S vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Lâm Quang Đ và bà Nguyễn Thị S không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Lâm Quang Đ và bà Nguyễn Thị S không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có hai người tên là Lâm Quang S và Lâm Quang H, cả hai người con đều đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét.

[4] Ông Lâm Quang Đ và bà Nguyễn Thị S xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Lâm Quang Đ chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận ông Lâm Quang Đ và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Lâm Quang Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 7.800.000 đồng theo biên lai thu số 0007156, ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông Lâm Quang Đ được hoàn lại số tiền 7.500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lâm Quang Đ, bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương